TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA LÂM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 163/2025/QĐST-HNGĐ	*Gia Lâm, ngày 18 tháng 4 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 137/2025/TLST-HNGĐ ngày 03/4/2025 về việc "Tranh chấp về ly hôn, việc nuôi con chung", giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Chị **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm 1993

Trú tại: Tòa S khu đô thị V, xã D, huyện G, thành phố Hà Nội.

- ***Bị đơn***: Anh **Nguyễn Đức B**, sinh năm 1991

Trú tại: Tòa H, khu đô thị V, xã D, huyện G, thành phố Hà Nội, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 4 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 4 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Đức B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của giữa chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Đức B, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị T và anh B thống nhất xác định có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 23/7/2019 và cháu Nguyễn Đức Minh A, sinh ngày 10/5/2024. Khi ly hôn chị T và anh B thống nhất thỏa thuận:

+ Chị T là mẹ được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Nguyễn Minh T1 và cháu Nguyễn Đức Minh A đến khi hai cháu đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

+ Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T và anh B thống nhất tự thỏa thuận giải quyết không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

Anh Nguyễn Đức B có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung vợ chồng: Chị T và anh B thống nhất tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề giải quyết.

2.3. Về công nợ chung vợ chồng: Chị T và anh B không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết về công nợ chung vợ chồng nên Tòa án không đặt vấn đề giải quyết.

2.4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Thu T chịu cả 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0065915 ngày 03/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, thành phố Hà Nội. Hoàn trả chị T 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện G;
- TAND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện G;
- Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại FuKuoka, Nhật Bản (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 81-2015 quyển số 02-2015 do Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại FuKuoka, Nhật Bản ngày 15/6/2015);
- Các đương sự;
- Lưu HS;

THẨM PHÁN

Cồ Khắc Đam